



THE DAWNING

A Grace Untold

*The Third Secret of Fatima
and the Coming of Subud*

Emmanuel Elliott

Bí mật Fatima

Nguyên tác The Drawing A Grace Untold của Emmanuel Elliott

Minh Thần dịch 2015

© Điện sách 02.2021 Góc Nhỏ

Sửa lỗi: Hartini Tâm Đan - Hoàng Nam

Phiên bản 10.2021

Emmanuel Elliott

Bí mật Fatima

Minh Thần

dịch 2015



NỘI DUNG

Những gì xảy ra trước và sau đó	6
Đi tìm sự thật	9
Những trải nghiệm ban đầu của Mark	11
Những trải nghiệm quan trọng tiếp theo của Mark	13
Những chuyện đáng nghi ngờ	15
Đâu là sự thật?	18
Những bức thư không được hồi đáp	21
Sự tái thể của Chúa GiêXu	24
Sự hướng dẫn của nội tâm	26

Những gì xảy ra trước và sau đó

Ngày 13 tháng 10 năm 1917, gần ngôi làng nhỏ xú Fatima tại trung bộ Bồ Đào Nha, khoảng 700 đến 1000 người chứng kiến điều 'không thể xảy ra', một hiện tượng là Tài liệu dẫn chứng đầy đủ trong sách báo và truyền thông hồi đó, như bất cứ biến cố nào trong lịch sử.

Vì mộ đạo hay mong ước, hoài nghi hay muốn chế nhạo, nhiều người từ khắp nơi trên đất nước thấy phải đến xem nơi chốn hẻo lánh, không ai nghĩ tới đó. Hôm đó, theo 3 đứa bé quê mộc mạc, Đức Mẹ trông thanh đẹp hiện ra nói chuyện với chúng trong 6 tháng qua, sẽ chứng tỏ sự hiện hữu và thông điệp của mình với một phép mầu, một dấu hiệu siêu nhiên mà mọi người, không chỉ cho 3 đứa bé đó, sẽ trông thấy. Những gì xảy ra sau đó làm cho mọi tâm hồn thấy vô cùng kinh khiếp, trước khi biến ước vọng thành vui mừng, sự không tin tưởng thành tin tưởng.

Điều khiến mọi người kinh ngạc là mặt trời chợt bắt đầu bùng sáng rồi mờ dần, chiếu ra những tia sáng trước hết theo cách này rồi cách khác. Điều ngạc nhiên là mọi người có thể dễ dàng nhìn thẳng vào mặt trời, khi họ chăm chú nhìn nó tỏ vẻ cả chính mình lẫn những gì xung quanh mình với tất cả các màu sắc của cầu vồng.

Sau một khoảng thời gian, sự phô bày ánh sáng và màu sắc kết thúc, dẫn tới một cảnh tượng thậm chí còn khó tin hơn: mặt trời bắt đầu rung rinh và múa may, rồi có vẻ như long ra khỏi bầu trời. Trong một lúc kinh khiếp khiến hồi hộp, nó hình như lao phóng tới trái đất, hùng mạnh chuyển động theo hình chữ chi, rút xuống đám đông như một trái banh xoay vòng bằng lửa.

Mọi người vô cùng sợ hãi. Nhiều kẻ đã quỳ xuống xin tha thứ, vì tin rằng mình sắp chết trong điều chắc chắn phải là sự tận thế. Đến giai đoạn cuối, mặt trời đu đưa trở lại vị trí của nó trên bầu trời.

Phép màu hứa hẹn đã xảy ra, làm bẽ mặt những kẻ hoài nghi và muốn chể nhạo, khiến cho không thể nghi ngờ gì được về sự hiện ra của Đức Mẹ ở Fatima.

Mọi việc xảy ra đúng 6 tháng trước đó, ngày 13 tháng 5, khi 3 đứa bé gái chặn cửa là Lucia, 10 tuổi, Francisco, 9 tuổi và Jacinta, 7 tuổi, lần đầu gặp gỡ trong tất cả là 6 lần, một nữ nhân 'mặc toàn màu trắng, rực rỡ hơn mặt trời.'

Trong những lúc hiện ra, Đức Mẹ thôi thúc cầu nguyện và hy sinh cho hoà bình của thế giới và sự kết thúc nhanh chóng của Thế Chiến Thứ Nhất.

Trong lúc hiện ra ngày 13 tháng 7, Đức Mẹ trao cho các đứa bé một thông điệp không được tiết lộ cho bất cứ ai hồi đó. Trong vòng 2 năm, như Đức Mẹ đã tiên tri, Francisco và Jacinta sẽ chết, vì là nạn của một bệnh dịch lớn gọi là Bệnh Cúm Tây Ban Nha (Spanisch Flu) lan tràn khắp thế giới sau thế chiến, khiến cho Lucia là kẻ duy nhất giữ gìn sự tiên tri gồm 4 phần.

Kẻ sống còn đã linh thị thấy Đức Mẹ trở thành bà xơ, và theo những gì được thuật lại, năm 1927, tuân theo mớ chỉ thị trực tiếp của Chúa GiêXu, xơ Lucia tiết lộ phần một, hai và bốn của thông điệp của Đức Mẹ. Tới lúc đó, phần ba phải giữ bí mật.

Người ta hay được là Đức Mẹ đã báo cho biết trước sẽ có một trận mưa những sự trừng phạt xảy ra cho nhân loại vì những xúc phạm chống lại Thiên Đình và những việc làm trái đạo lý của con người: những trừng trị bao gồm Thế Chiến Thứ Hai, sự nổi lên của Cộng Sản, sự hoàn toàn tiêu diệt của nhiều quốc gia, sự khủng bố các tín đồ và những đau khổ xảy ra cho Giáo Hoàng. "Cuối cùng", Đức Mẹ kết luận trong phần 4 của thông điệp, "Trái Tim Tinh Khiết của Ta sẽ chiến thắng... và một thời kì hoà bình sẽ được ban cho thế giới."

Tháng 10 năm 1930 những sự hiện ra đó của Đức Mẹ được giáo hội Công giáo chính thức nhìn nhận.

Năm 1943, Lucia (lúc đó đã vào dòng Nữ Tu Doretnean tại Tuy, Tây Ban Nha) mang bệnh trầm trọng. Sợ xơ sắp phải chết mà không thể tiết lộ điều thiên hạ gọi là Bí Mật

Fatima, đức giám mục tỉnh Leira đến thăm xơ để yêu cầu xơ ghi chép lại cái bí mật đó. Xơ chỉ đồng ý làm điều đó, nếu chính thức có một chỉ thị trên giấy tờ, và chuyện đó sẽ đến đúng lúc. Tuy nhiên, trong 3 tháng xơ Lucia không thể đáp ứng yêu cầu đó, vì nhận thấy mình bị sự ngăn cản của một nỗi thống khổ kì quái khiến lo sợ, bất cứ lúc nào mình tìm cách làm. Sau này, người ta hiểu điều đó là sự biểu hiện cản trở của ma quỷ, điều kéo dài cho tới ngày 2 tháng giêng năm 1944. Hôm đó, theo những gì được thuật lại, Đức Mẹ lại hiện ra cho xơ Lucia thấy, xác nhận việc làm đó thực sự hợp với ý Thượng Đế là Bí Mật phải được ghi chép lại, và truyền cho Lucia sức mạnh làm chuyện đó.

Bí Mật được đặt trong một phong bì dán kín và lưu giữ tại chỗ ở chính thức của đức giám mục tỉnh Leira, cho tới khi cuối cùng ông thuyên chuyển tới thủ đô Rome 13 năm sau đó. Khi phong bì được giở lên cho ánh sáng chiếu vào, người ta trông thấy khoảng 20 tới 25 chữ, viết trên một tấm giấy duy nhất.

Ngày 16 tháng 4 năm 1957, phong bì đó được chuyển tới văn phòng đức giáo hoàng Pius XII, kèm theo một chỉ thị của Đức Mẹ là Bí Mật sẽ được tiết lộ cho thế giới trong năm 1960 hay sau sự qua đời của xơ Lucia, tùy theo điều gì xảy ra trước. Hiển nhiên ý Thượng Đế là Bí Mật sẽ được công bố trễ nhất là vào năm 1960. Nhân vật đã linh thị thấy Đức Mẹ mất trong năm 2005, hưởng thọ 97 tuổi.

Điều ngạc nhiên có lẽ là khi được trao cho Đức giáo hoàng John XXIII, một năm sau sự qua đời của Pius XII, phong bì vẫn còn dán kín. Như vậy, điều hầu như chắc chắn là Pius XII đã không đọc Bí Mật, một chuyện khó hiểu được tại sao. Việc hầu như khó tin được là ông giáo hoàng đó, sắc lệnh năm 1950 của ông công bố giáo điều về sự thăng thiên của Đức Mẹ, lại không quan tâm đến thông điệp của Đức Mẹ tại Fatima, vì biết được nội dung của nó là quyền chính đáng của mình.

Tuy nhiên, có điều này chắc chắn là các giáo hoàng John XXIII, Paul VI và John Paul II, họ tất cả đã đọc Bí Mật.

Đi tìm sự thật

Sắp hết năm 1959, sự nóng lòng chờ đợi của giáo dân mọi nơi trở thành xung lực trong giáo hội, khi họ ước ao thiết tha phần thứ ba của thông điệp kì bí ở Fatima sẽ được tiết lộ. Ngày 8 tháng 2 năm 1960, sự mong đợi tự tin đó đột ngột bị tiêu tan bởi một bản tin không sôi nổi của một thông tấn xã Bồ Đào Nha về một thông cáo nặc danh của Vatican là bí mật sẽ không được công bố, và có lẽ không bao giờ sẽ được.

Điều ngạc nhiên, bởi giáo hội từ lâu đã chính thức công nhận sự xác thực của việc Đức Mẹ hiện ra ở Fatima, là bản tin đó kết luận: 'Giáo hội không muốn lãnh trách nhiệm bảo đảm sự chân thực của những lời mà 3 đứa bé chặn cừu cho rằng Đức Mẹ đã nói với chúng.' Như vậy là bất chấp sự kiên Đức Mẹ mong muốn bí mật được tiết lộ cho thế giới trẻ lắm là vào năm 1960, tới lúc, theo xơ Lucia, thông điệp trở nên "rõ rệt hơn."

Điều xảy ra là ngay trong lúc thế giới công giáo đang thiết tha chờ đợi sự tiết lộ của Bí Mật Thứ Ba ở Fatima, Tây phương trong giai đoạn đầu nhận thức được sự hiện hữu của latihan Subud.

Liên ngay sau cơn lốc tâm linh với chuyến du hành đầu tiên của Bapak ngoài Nam Dương trong năm 1957, năm 1960 là thời kì hăng say cho hàng trăm hội viên Subud mới trên khắp thế giới nhận biết được có điều gì trọng yếu đang xảy ra. Khá mong ước cho có thêm hàng triệu người nữa sớm nghe nói tới và đáp ứng thực tại của latihan, chúng ta sẽ không lấy làm ngạc nhiên toàn thế giới sẽ thay đổi trong vài năm.

Nhưng năm 1960 đã qua mà hai sự việc có thể xảy ra đó đã không thành hình. Thế giới nói chung đã không nghe nói tới cả cái khả năng mới mẻ trực tiếp giao tiếp với Chúa Thánh Thần lẫn tới Bí Mật Fatima Thứ Ba: một mặt bởi vì Bapak cứ nhất định đòi không nên quảng cáo Subud,

mặt khác là vì Vatican lựa chọn cách không tiết lộ thông điệp Fatima mà thiên hạ chờ đợi. Theo những gì hiện nay mình hiểu biết, tôi không thể không suy nghĩ về sự phối hợp thời gian cân xứng của hai hiện tượng tâm linh đó, về nghĩa lí và tiềm năng của nó trong một thời kì mà nhân loại mong mỏi sự hồi phục của tâm linh, còn Tây phương thì do bản năng trông chờ ở Đông phương.

Điều không tránh khỏi là sự cương quyết không tiết lộ Bí Mật của giáo hội (nhiều người nói như vậy là ngăn trở Thiên Ý) đã khiến cho có nhiều suy đoán còn tiếp diễn cho tới nay của những người Công giáo và không Công giáo, mặc dù hay có lẽ một phần bởi vì lối diễn giải không mấy đáng tin công bố ngày 26 tháng 6 năm 2000 (xem phần tiếp theo).

Tuy không là người Công giáo nhưng tôi rất tôn trọng và đồng cảm với nỗi khó khăn mà có lẽ giáo hội đã gặp phải. Thế nên, tôi dùng cụm từ 'không mấy đáng tin' để diễn tả lối giải thích công bố tháng 6 năm 2000 của Vatican.

Có 3 lí do khiến tôi làm như vậy:

Thứ nhất là thiếu sự tương quan giữa nội dung bản văn công bố và sự phát biểu của Lucia là vào năm 1960 nghĩa lí của thông điệp sẽ trở nên 'rõ rệt hơn.'

Thứ hai là sự đáng chú ý phản ứng của Đức giáo hoàng Paul II đối với áp lực tiếp tục của truyền thông Ý giữa thập niên 80, khi ông nói rằng mình không muốn "khuyến khích các ngôn sứ mạo nhận" bằng cách tiết lộ Bí Mật.

Thứ ba là sự đóng góp của chính Bapak cho cuộc tranh luận, điều xảy ra trong lúc trò chuyện với Mark và Istimah Week trong năm 1968.

Những trải nghiệm ban đầu của Mark

Trong mấy chục năm liên tiếp có rất nhiều tin đồn trong cộng đồng Subud là Bí Mật Fatima như thế nào đó có liên quan tới sự xuất hiện của latihan. Tôi rất muốn đề cập tới chuyện đó trong cuốn *Revelation Subud* của mình. Nhưng hồi đó sự hiểu biết của tôi chỉ hạn chế ở những đồn đãi vô căn cứ, và tôi thì không thích tin ở những suy đoán không thể chứng minh.

Tuy thế, trong cuộc gặp gỡ lần thứ hai với anh Mark và chị Istimah, tôi nhận thấy mình đang đối diện hai nhân chứng trực tiếp là những người trong một vị thế độc đáo đóng góp những bằng chứng trọng yếu và bổ sung. Họ là những nhân chứng liêm chính mà tôi kính trọng, và theo tôi nghĩ, sự nhận thức của họ là điều nên nghe nói tới bởi tất cả những ai chân thành và cởi mở quan tâm tới sự xác đáng và mục đích của những thông điệp của Đức Mẹ tại Fatima. Và đó cũng là điều càng lúc càng thường xảy ra và có tính cấp bách tại bất cứ nơi nào khác.

Kể từ lúc còn nhỏ, anh Mark Week là người đã quen thuộc với những biểu hiện tâm linh mãnh liệt. Kể từ lúc 12 tuổi, trong những đêm dài cầu nguyện anh bắt đầu cảm nghiệm được sự vui sướng tuyệt diệu nhập qua đỉnh đầu, đôi khi cùng với những ý nghĩ không do chính mình. Đồng thời anh cũng phát khởi một thời kì 7 năm cho điều mà Bapak sẽ gọi là prihatin (tiết dục); mục tiêu là khắc phục lòng sân si, thù ghét và sợ hãi, và làm cho mình không bị ảnh hưởng của mọi chuyện và mọi người.

Năm 1934 khi là sinh viên danh dự tại đại học College of California ở Berkeley, Mark trải qua một chứng nghiệm đặc biệt quan trọng trong đó anh chợt thấy mình tại một nơi 'trước lúc khởi thủy': một nơi chốn trong đó anh tri giác thấy chính mình là một điểm không kích thước chứa ý thức. Không có không gian, không có thời gian, không có thân thể và không có 'kẻ kia.'

Khi bắt đầu trở về từ nơi chốn đó, Mark nói, cái chúng nghiệm đầu tiên về 'kẻ kia' của anh là tại mọi phương hướng có những điểm 'hiện hữu' bao quanh mình - tất cả, như chính anh, đều phóng ra những chấn động. Có những chấn động nhịp điệu hoà hợp và khiến cảm thấy rất thoải mái, trong khi những chấn động khác thì nhịp điệu không hoà hợp và khiến cảm thấy đau đớn. Anh nhập vào một trạng thái trầm tư của ý thức, một trạng thái vượt ngoài tác động của óc tư duy mà sau này anh nhận ra là điều Thánh John of the Cross gọi là 'trầm tư thâm nhập', và đó cũng là điều anh nghiệm được trong latihan là sự tiếp nhận trong sáng.

"Trong trạng thái đó," Mark cho hay, "tôi được khiến cho hiểu là những điểm chấn động chung quanh mình cho tôi thấy quan hệ của mình với tất cả nhân loại: tôi bị trạng thái của họ ảnh hưởng tới, và họ bị ảnh hưởng của tôi. Thế nên, nếu muốn kiếm cách đạt được một trạng thái thanh bình và hoà hợp trên thế gian này (tuy trách nhiệm đầu tiên của mình phải là trạng thái của chính mình) thì tôi phải hiểu là mình cũng phải hoạt động cho một trạng thái thanh bình và hoà hợp nơi những kẻ khác."

"Tiếp theo sự hiểu biết đó là một sự hiểu biết vô ngôn nhưng rõ rệt khác là mình đi vào cuộc sống này chỉ vì một mục đích duy nhất: tham dự trong lúc sống một quá trình và sự việc trọng đại dần dần tiến triển, điều sẽ hoàn toàn thay đổi bản thể cuộc sống của con người trên thế gian: những văn hoá, thể chế, luật lệ, sinh hoạt kinh tế của con người."

"Tôi hiểu được là điều đó có thể xảy ra, do việc quyền năng của Thượng Đế mới lạ và mãnh liệt tuôn tràn, y như thời Đức Ki Tô, nhưng được biến đổi để phù hợp với nhu cầu và tình trạng hiện nay của nhân loại. Sau này, tôi nhận thức được điều đó tương ứng với việc người ta gọi là sự tái thể của Chúa GiêXu."

Những trải nghiệm quan trọng tiếp theo của Mark

Mark trở thành giám đốc của nhiều kinh doanh thương mại tại Hoa Kỳ, cũng như tại Úc và Châu Mỹ La Tinh. Mark cũng là một nhà khoa học dinh dưỡng tích cực hoạt động và là cố vấn cho nhiều cơ quan của chính quyền trong đầu thập niên 40.

Trong năm 1952 Mark có một trải nghiệm tâm linh quan trọng kế tiếp, và ngay sau đó anh bắt đầu tiếp nhận được những phát biểu của nội tâm. Tiếp theo những thông điệp của nội tâm đó là những 'hồi ức' về những trải nghiệm với Chúa GiêXu 2000 năm trước đó và một áp lực càng lúc gia tăng của nội tâm khiến phải thôi tất cả các sinh hoạt kinh doanh để du hành tới Âu Châu đi tìm 'ai đó.'

Tuy hồi đó là chủ tịch công ty Collett-Week, một công ty lớn chế tạo các vitamin thiên nhiên, và là phó chủ tịch ban giám đốc của công ty Bacon Vulcanizer, một công ty chế tạo những thiết bị vá lốp lốp xe. Nhưng Mark đã từ nhiệm để đến Âu Châu. Anh mang theo nhiều thư giới thiệu cho những nhân vật tiếng tăm, kể cả những kinh tế gia thị trường tự do và những đặc vụ tình báo.

Trong chuyến du hành qua Âu Châu anh tiếp tục có những chứng nghiệm liên quan tới sự tái thể của Chúa GiêXu, và ở Paris một trong những chỗ quen biết của anh giới thiệu anh với Monsieur Bernard Fay ở Fribourg, Thụy Sĩ.

M. Fay, một người Công giáo và cựu giám đốc của Thư viện Quốc gia Pháp, lúc đó đã về hưu sống cuộc đời một cư sĩ tại Villa St. Jean tại Fribourg. Dựa vào lai lịch Tin Lành của mình, Mark mở đầu cuộc trò chuyện bằng cách kể cho chủ nhà về những chứng nghiệm của mình trong năm 1934 và 1952, cũng như về những phát biểu vừa rồi bằng tiếng La Tinh của nội tâm, những điều trực tiếp liên quan tới giáo hội Công giáo.

Đáp lại những tiết lộ ngay thẳng của Mark, M. Fay có ý kiến là chiều sâu những chứng nghiệm của Mark quả thực chứng tỏ ân huệ thánh hóa đã tác động tới anh, điều Fay và một vài người bạn Công giáo của mình vô cùng mong ước cầu xin được. Nhân vật người Pháp đó nói riêng cho Mark hay là mình rất thân cận với Pius XII, và chính mình vừa mới trở về sau khi lưu lại 6 tháng với giáo hoàng tại nơi cư trú mùa hè của ông tại Castel Gandolfo. Bernard Fay nói tới những đức tính tâm linh tinh tế của giáo hoàng, rồi bất ngờ đề cập tới Fatima.

Theo Fay, giáo hoàng Pius XII đã kêu Lucia tới Rome trong năm 1950, và trong khu vực tôn quyền của mình đã chỉ thị cho Lucia phải tiết lộ cho mình Bí Mật Fatima, và đó là chuyện Lucia đã làm. Ông nói tiếp:

„Chúng tôi biết mình sắp trông thấy sự tái thế của Đức Ki Tô. Chúng tôi biết điều đó sẽ đến bên ngoài giáo hội, và chúng tôi biết là sẽ đến từ phương Đông.“

Ông tiếp tục nói cho Mark hay có tất cả là 4 nhà thần bí trong giáo hội đã biết tới tác động của ân huệ thánh hóa: bản thân xơ Lucia, Cha Pio của Ý, Teresa Neumann của Đức và một phụ nữ Pháp không thể cho biết tên tuổi. Họ tiếp nhận những chỉ dẫn hướng tới những kết luận y như nhau.

Mark tiếp nhận latihan tại New York trong năm 1958, một trong những người Mỹ đầu tiên làm điều đó. Anh đóng một vai trò trọng yếu làm phụ tá và thành viên ban quản trị trong những ngày tháng đầu tiên của Subud, gồm 3 nhiệm kỳ làm hội trưởng Subud Bắc Mỹ.

Anh lần đầu gặp Bapak trong năm 1959 và nói cho người hay về toàn bộ những chứng nghiệm của mình. Đáp ứng của Bapak về cuộc gặp gỡ của anh với Bernarf Fay là "Đúng vậy." Phải mất 9 năm nữa Bapak mới rọi thêm ánh sáng về chuyện đó, và suy xét cho cùng, những gì Bapak nói có một sức mạnh làm vững thêm những gì chính đức giáo hoàng John Paul II nói 20 năm sau.

Những chuyện đáng nghi ngờ

Ngày 26 tháng 6 năm 2000 giáo đoàn cho Giáo Lý tại Vatican cho lưu hành bản văn phát biểu những điều sau đây:

Dưới đây là bản dịch đầy đủ của bản gốc bằng tiếng Bồ Đào Nha phần thứ 3 của Bí Mật Fatima tiết lộ cho 3 đứa bé chặn cửa tại Fatima ngày 13 tháng 7 năm 1917 và được viết trên trang giấy bởi xơ Lucia ngày 3 tháng giêng năm 1944.

„Tôi viết những điều này là tuân theo mệnh lệnh của Thiên Chúa buộc tôi làm vậy qua đức giám mục của Leira và qua Đức Mẹ là bà mẹ thánh thiện nhất của tôi và quý vị.“

„Sau hai phần mà tôi đã cho hay, phía trái Đức Mẹ và phía trên một chút, chúng tôi trông thấy một Thiên Thần tay trái cầm một thanh kiếm rực cháy. Lóe sáng thanh kiếm phát ra những ngọn lửa tưởng chừng như sẽ đốt cháy thế giới, nhưng các ngọn lửa đã tắt ngấm khi tiếp xúc với sự chói lọi của Đức Mẹ chiếu qua phía Thiên Thần từ bàn tay phải bà. Tay phải chỉ trái đất, Thiên Thần lớn tiếng hét: ‘An nản, ăn năn, ăn năn!’ Chúng tôi trông thấy một ánh sáng mênh mông là Thiên Chúa: ‘điều gì tương tự với việc thiên hạ thấy mình trên một tấm gương khi họ đi ngang qua trước nó’, một vị giám mục mặc màu trắng, chúng tôi có cảm tưởng là Đức Giáo Hoàng.’ Những vị linh mục, tu sĩ khác, những người mộ đạo nam và nữ đi lên một ngọn núi dốc đứng, đỉnh núi có một cây Thánh Giá lớn bằng thân cây bần chưa gọt đẽo với vỏ cây. Trước khi tới đó,

Đức Giáo Hoàng đi qua một thành phố có phần đổ nát, và hơi run sợ, đi đứng ngập ngừng, thấy đau buồn, ông cầu nguyện cho linh hồn của những thể xác gập trên đường đi. Khi tới đỉnh núi, quỳ xuống dưới chân cây Thánh Giá lớn, ông bị một đám lính tráng giết chết, những kẻ bắn tên và đạn vào ông. Cũng chết y như vậy là các linh mục, tu sĩ, những người mộ đạo nam và nữ và những người ngoại đạo thuộc địa vị và vị thế khác nhau. Phía dưới hai cánh của Thánh Giá là hai Thiên Thần, tay mỗi vị cầm một bình đựng nước thánh bằng pha lê, trong đó họ thu lượm máu những kẻ tử đạo, và với thứ máu đó họ tưới rắc những kẻ đang lên đường tới nơi Thiên Chúa."

Cùng chung với sự công bố cái Bí Mật nổi tiếng đó, đức hồng y Joseph Ratzinger (sau này là giáo hoàng Benedict XVI) cho phổ biến một bài bình luận thần học trong đó ông khẳng định:

„Nếu đọc kĩ bản văn của cái gọi là ‘bí mật’ Fatima thứ ba... người ta chắc sẽ phải thất vọng và lấy làm ngạc nhiên về tất cả những suy đoán mà nó gây ra. Không có bí ẩn trọng đại nào đã được tiết lộ, kể cả tương lai của nhân loại."

Điều bình luận đó không thể không khiến người ta đặt câu hỏi: nếu "không có bí ẩn trọng đại nào đã được tiết lộ, kể cả tương lai của nhân loại", thì tại sao, trời ơi tại sao, trong nhiều chục năm giáo hội đã để cho những suy đoán đó xây dựng? Tại sao nhiều vị giáo hoàng trong một thời kì dài lâu đã cảm thấy như vậy là thiệt hại cho quyền lợi tốt đẹp nhất của giáo hội nếu tiết lộ Bí Mật? Bản văn được công bố hầu như không đáng dùng cho sự che đậy trường kì đó. Tại sao như vậy là được, nếu phổ biến những phần khác của thông điệp Fatima, những gì liên quan tới những việc kinh khiếp vô cùng như Thế Chiến Thứ Hai, sự thăng tiến của Cộng Sản và sự tiêu diệt toàn bộ của những quốc gia, nhưng lại là không được, nếu công bố điều phải thừa nhận là lời kêu gọi nhúng máu về sự ăn năn, điều hiện nay được coi là toàn bộ quy mô của Bí Mật Fatima?

Điều đáng buồn là những gì giáo hội thuật lại không thể khiến chúng ta chấp nhận cái sự thật bề ngoài của những tuyên bố công khai về những vấn đề gây tranh cãi. Trong năm 1984, chẳng hạn, sau gần 3 năm tìm tòi, David Yallop

xuất bản cuốn *In God's Name*, trong đó anh điều tra cái chết kì bí của 'đức giáo hoàng tươi cười' John Paul I, sau chỉ 23 ngày lên ngôi giáo hoàng. Yallop kết luận là chính những hoàn cảnh của sự phát hiện xác chết "hùng hồn chứng minh rằng Vatican đã thực hiện một đường lối đánh lạc dư luận"; họ gian dối hết điều này tới điều khác: "gian dối về những chuyện nhỏ nhặt, gian dối về những chuyện lớn lao...với mục đích duy nhất là che đậy sự kiện Albino Lucian, giáo hoàng John Paul I, đã bị ám sát."

Đâu là sự thật?

Trong nhiều chục năm chính cái đường lối che mờ đó đã được dùng cho Bí Mật Fatima, và vẫn còn nhiều người Công giáo nghi ngờ toàn bộ bản văn chưa được tiết lộ, trong đó có Trung Tâm Fatima của đức cha Nicholas Gruner. Tôi xin được đề cập với bạn hai cuốn sách mới xuất bản của hai tác giả rất được trọng vọng: luật gia kiêm bình luận gia Christopher A. Ferrara và nhà báo xuất chúng kiêm nhân vật chủ chốt đài truyền hình Antonio Socci. Trong những cuốn *The Secret Still Hidden* và *The Fourth Secret of Fatima*, họ tường tận khảo xét tất cả những bằng chứng có thể có để làm sáng rõ những mớ lộn xộn của những mâu thuẫn, bào chữa, việc làm quanh co, thú nhận cầu thả là đặc điểm của toàn bộ vấn đề. Trong việc làm của mình, họ đánh đổ toàn bộ những luận chứng chỉ có mã ngoài mà hồng y Tarcisio Bertone đưa ra biện hộ cho Vatican để rồi cũng phải nhìn nhận là thực ra có một phong bì thứ hai chứa đựng một bản văn chưa từng được ấn hành. Người ta tin là nó chứa đựng những lời nói đích thực với 3 đứa bé tại Fatima của Đức Mẹ.

Như đã cho thấy, ngoài cơ sở những chứng cứ lí luận chặt chẽ không thể bắt bẻ của các ông Ferrara và Socci, còn có 3 lí do chánh yếu khiến bản thân tôi đã đi đến kết luận đó. Hai lí do đó là những gì không lạ lẫm với các tác giả đó; lí do thứ ba, quan trọng hơn hết, thì họ sẽ không thể biết.

Trước hết là hoàn toàn thiếu sự tương quan giữa văn bản được công bố và những phát biểu của chính Lucia là vào năm 1960 thông điệp sẽ trở nên "rõ rệt hơn." Có thể nói là không biến cố nào hồi đó tương ứng ở mức rất nhỏ với những gì mà lối diễn giải chính thức đã tiên báo.

Bản thân Đức Giáo Hoàng kết luận là sự linh thị ở Fatima đề cập tới sự mưu hại mạng sống mình, nhưng người ta cũng khó thấy lối nhìn đó ăn khớp được với thời gian mà xơ Lucia đã tiên đoán. Hai mưu đồ ám hại Giáo Hoàng (của tên người Thổ Nhĩ Kỳ mang súng là Mehmet Ali Agca

và của Juan Maria Fernandez, một tu sĩ Tây Ban Nha bảo thủ cực đoan mang dao) riêng biệt xảy ra trong năm 1981 và 1982, sau thật lâu thời điểm cuối cùng cho sự tiết lộ Bí Mật.

Mọi chuyện càng trở nên rối rắm hơn nữa, khi ở New York tháng 9 năm 1983 tu viện The Montford Fathers of Bayshore công bố những gì thuật lại của một buổi nói chuyện riêng giữa Giáo Hoàng và một nhóm Công giáo nhỏ người Đức. Trả lời một câu hỏi về Bí Mật, đức giáo hoàng nói: "Bởi nội dung không thể coi thường được của nó... các vị tiền nhiệm của tôi trong ngôi vị giáo hoàng đã khôn khéo cho việc không công bố là nên làm hơn. Mặt khác, tất cả các giáo đồ chỉ việc biết như vậy là đủ: nếu có một thông điệp trong đó nói rằng đại dương sẽ làm lụt ngập toàn bộ nhiều nơi trên trái đất, và từ lúc này tới lúc khác sẽ có hàng triệu người vong mạng... thì có muốn công bố bí mật của thông điệp cũng chẳng được gì." Kịch bản đó cũng chẳng liên quan gì tới lối diễn giải chính thức cuối cùng đã được công bố.

Lí do thứ hai, điều tôi tin là hợp lí nếu nghi ngờ toàn bộ sự thật chưa lộ diện, là chuyện gián tiếp liên quan tới những phát biểu khác của John Paul II khi giữa thập niên ông trả lời những câu hỏi của truyền thông Ý. Trong dịp đó, tuy hoàn toàn không có bất cứ gì cho thấy có ai đó được đề cao, Đức Giáo Hoàng nói rằng mình không muốn tiết lộ Bí Mật vì điều đó sẽ "khuyến khích các ngôn sứ mạo danh." Sự nhận xét đó, tuy ông không có cách nào biết được, là điều khiến có thể nói rằng ông đã xác nhận những gì Bapak nói với vợ chồng Week 20 năm trước đó.

Trong năm 1963 Bapak đã hai lần lưu lại nơi của vợ chồng Week tại Briarcliff New York, và trong những lúc đó quan hệ với Bapak của Mark với Bapak trở nên rất thân thiện. Sau này, Bapak kêu Mark và Istimah đến ở gần mình tại Nam Dương, và trong năm 1965 Mark và Istimah, cùng với hai người con là David và Sandra, đến Jakarta ở gần bên Bapak. Vài tháng sau khi họ tới, vì khu vực Subud bị du kích cộng sản tấn công trong lúc tình hình chính trị trầm trọng bất ổn, Bapak đề nghị Mark và gia đình tạm thời đổi chỗ ở tại Tân Tây Lan.

Trong một chuyến đi trong năm 1968, Bapak lưu lại 10 ngày nơi tư gia của Mark và Istimah ở Tân Tây Lan. Cùng đi với Bapak là Ibu, thông ngôn là Usman, và bà vợ Usman là Aminah. Ngày cuối cùng cuộc viếng thăm, Istimah nói, Bapak chợt đề cập tới chuyện Fatima.

“Bất cứ lúc nào ở nơi chúng tôi,” Istimah nói với tôi, “Bapak thường tặng chúng tôi một món quà đặc biệt, thường thường thì là điều gì có tính chất khiến hiểu biết sâu sắc về tâm linh.”

“Buổi sáng ngày Bapak ra đi tôi đang làm chuyện gì đó trong nhà bếp. Aminah bên cạnh tôi và có lẽ thêm một hay hai hội viên khác. Usman thì trong phòng ăn kể bên đang ăn sáng.”

“Chợt nhiên, điều này khiến tôi ngạc nhiên, Bapak (tên đầy đủ là Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo) bước vào phòng bếp, trông rất thanh thản trong chiếc áo sơ mi cụt tay. Người ngồi nơi khu vực phòng khách gần nơi Usman đang uống cà phê, lưng hướng phía cửa sổ nhìn ra Vịnh Hauraki mát đẹp. Người bắt đầu nói với chúng tôi về bí mật Fatima, và tôi biết ngay đó là món quà nội tâm trong dịp này.”

“Tất cả chúng tôi đều ngưng làm những gì đang làm, trong khi Usman có lúc không thông dịch lại để khỏi phải ngắt lời Bapak.”

“Bapak vừa nói tới phép màu tại Fatima và nói là thông điệp cho biết điều thế giới được cứu vớt bởi một người tử phương Đông, và tên người đó là Muhammad.”

Những bức thư không được hồi đáp

Trong năm 1992 với Istimah Week và trong năm 1997 với Raymond Van Sommers, một bạn thân của vợ chồng Week, hai người đó đã tìm cách làm cho dư luận chú ý tới Subud. Dưới đây là nội dung hai bức thư, một của Istimah cho giáo hoàng John Paul II và một của Raymond cho hồng y Ratzinger.

Kính thưa Cha,

Con vô cùng kính trọng viết bức thư này cho Cha, để xin riêng tư được Cha tiếp kiến.

Con làm điều này không do cố ý mà do tuân theo sự thúc đẩy của nội cảm, để thông tin cho Cha về một chuyện tối quan trọng cho nhân loại.

Trong sự khiêm tốn trước sự cao cả của Thượng Đế, con trình trọng trình bày việc này là có trên thế giới một khả năng mới lạ của sự giao tiếp với Ân Huệ Thánh Hóa, và nhờ Cha cái đó có thể tuôn trào vào linh hồn hàng triệu người.

Điều con muốn nói là một sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế mà con đã nghiệm được và tuân theo hiệu quả

và sự hướng dẫn của nó trong khoảng 33 năm.

Tính chất của nó là tác động của Chúa Thánh Thần, như đã tiếp nhận được trong giáo hội bởi các vị Thánh, nhưng hiện nay có điều kì diệu này là các linh hồn thường nhân cũng nhận được nếu yêu cầu. Nó được truyền từ người này tới người khác qua sự giao tiếp của nội tâm trong một trạng thái chân thành quy phục và tin cậy Thượng Đế.

Thiên Ân tiếp nhận được sẽ thanh lọc toàn bộ bản chất con người dẫn tới một tình trạng phụng thờ Thượng Đế vượt ngoài nỗ lực của tâm trí nhưng do Ý Muốn và Ân Huệ Thượng Đế.

Cái Khả năng đó, từ năm 1957 truyền bá cho một số người không là bao trên khắp thế giới, hiện nay có khoảng 10000 người theo tập, đang đợi chờ được dùng bởi toàn thể nhân loại.

Con cảm thấy Cha nên biết chuyện đó, khiến cho, nếu đó là Ý Thượng Đế, cái đó có thể đến với thế giới qua Thánh Thể của Cha.

Bởi không thể thích đáng giải thích sự tiếp nhận đó trong một bức thư, con xin cha ban cho một buổi yết kiến.

Bức thư của Istimah không được hồi đáp.

Thưa Ngài,

*Tôi vô cùng thích thú theo dõi cuộc phỏng vấn Ngài của đài phát thanh *Ranascenca* tại *Fatima* nhân dịp lễ kỉ niệm thứ 79 sự hiện ra cuối cùng của Đức Mẹ.*

*Khi nghe nói Ngài được đặc quyền biết về nội dung thông điệp thứ ba cho xơ Lucia của Đức Mẹ ở *Fatima*, tôi cảm thấy nên gửi cho Ngài cùng với bức thư này bản sao cuốn *THE MAN FROM THE EAST* của *Istimah Week*.*

*Sách đề cập tới Đức Mẹ ở *Fatima* (trang 7 và 73) khi trong năm 1953 phu quân tác giả gặp M. Bernard Fay, trong lúc M. Fay là một cư sĩ ngụ tại *Fribourg*, Thụy Sĩ. *Week* nghiệm được những linh thị và thiên khải liên quan tới sự tái thế của Chúa GiêXu. Trong cuộc gặp gỡ đó, M. Fay vừa ra về từ *Castel Gandolfo*, nơi trong nhiều tháng mình là*

thượng khách của Đức Giáo Hoàng Pius XII. Chỉ sau khi ông Week nói tới nội dung những chứng nghiệm của mình thì M. Fay mới tin cậy tiết lộ những gì không thể nói ra. Ngoài việc nói tới 'thông điệp thứ ba' M. Fay còn tiết lộ trong những lúc tại khu vườn Castel mình đã có chứng nghiệm là trông thấy thông qua Đức Giáo Hoàng Pius XII (như qua một tấm gương) việc Đức Giáo Hoàng trong hai dịp nghiệm thấy sự hiện ra của Chúa GiêXu.

Tôi trình trọng gửi cho Ngài sách này, vì tin rằng nó chứa vài điều khác đáng chú ý với Ngài.

Hồng y Ratzinger hồi đáp với một tấm thiệp cảm ơn cho món quà.

Sự tái thể của Chúa GiêXu

Điều tôi không muốn chút nào với cuốn sách này là biến nó thành một chuyện không tốt đẹp là đả kích sự thiếu minh bạch của một tôn giáo lớn với tường thành vững chắc. Tuy không là người Công giáo nhưng latihan tôi vang hưởng cái thực chất tâm linh không thể ngộ nhận tủa khắp các giáo đường và nơi linh thiêng trên khắp thế giới của đạo Công giáo.

Thực vậy, một khi Vatican đã lần đầu quyết định không tiết lộ toàn bộ sự thật về Bí Mật Fatima, ta chỉ có thể thông cảm tình trạng khó xử của những hệ thống cấp bậc kế tiếp nhau của giáo hội. Do những gì Bernard Fay tâm sự với Mark Week, ta không thể không có cảm tình với sự lo sợ có tính phòng thủ vì những điều báo cho biết là sự tái thể của Chúa GiêXu sẽ đến 'từ ngoài giáo hội.'

Như vậy, theo những gì Bapak nói với vợ chồng Weeks ở Tân Tây Lan trong năm 1968 và những gì John Bennett tiếp nhận được tại tu viện St.Wandrille trong năm 1959 - "Y Ta là kết hợp Giáo Hội của Ta với Hội giáo" - thì đây là một viễn tượng khiến sống sờ cho sự kết hợp của các tôn giáo, điều được cho thế giới thấy trong những gì là Bí Mật Fatima:

Được báo hiệu bởi những người viết Thánh Kinh và vị Thiên Sứ của Hội giáo, sự tái thể lâu năm chờ đợi của Chúa GiêXu hiện nay đã đến với chúng ta; đó là hiện thân của một sự giao tiếp truyền cho nhân loại qua một người Hội giáo, một người đến từ phương Đông, và được thông báo cho thế giới biết bởi vị Nữ Hoàng của Thiên Chúa Giáo, người duy nhất được cả hai tôn giáo tôn kính, người duy nhất có khả năng kết hợp Thiên Chúa giáo và Hội giáo.

Chưa lần nào, một cách bất ngờ, Bapak đã từng nhận mình là hiện thân sự tái thể của Chúa GiêXu. Thực vậy, trong tất cả ngàn lần nói chuyện trên khắp thế giới, người hầu như không đề cập tới chuyện đó. Trái lại, người nói,

trước kia ân tứ và sự hướng dẫn của Thượng Đế thường đến với nhân loại qua một vị thiên sứ hay sứ giả, nhưng với latihan thì như là "Bản Thân Thượng Đế đứng lên khỏi ngai vàng mình để xuống trần gian."

Trong một sự đề cập khác đặc biệt hơn, người nói:

Trong Thiên Chúa giáo người ta nói rằng Đức Ki Tô đã xuống trần gian. Đó không là Đức Ki Tô mà các bạn trông thấy trong tranh vẽ, vì ông đã xuống đây với chính nhân loại trong lúc này. Thực vậy, trong Thiên Chúa giáo người ta đã biết rằng sẽ có điều gì phát khởi ở Đông phương báo hiệu sự trở về trần thế của Đức Ki Tô, và từ nơi đây cái đó sẽ bành trướng.

Trong năm 1982, về việc truyền bá cái Ân Tứ khiến kinh ngạc đó, trong một bức thư cho chị Maria Baker, một hội viên Subud Mỹ, chấp thuận cho chị làm một phim tài liệu về Subud (một dự án chưa bao giờ hình thành vì những điều thực tế) Bapak viết:

Bapak muốn đợi chờ cho tới khi những kết quả của latihan thực sự trở nên hiển nhiên trước khi quảng cáo về Subud, nhưng do tình trạng của thế giới, như vậy là quá muộn, và chúng ta phải bắt đầu làm cho thiên hạ biết về Subud. Nếu chúng ta đợi chờ cho tới khi những điều hiển nhiên thực sự có thể thuyết phục, như vậy thì mất nhiều thời gian. Đây là một việc làm khác với trước kia, vì cho tới nay Subud đã bị che giấu.

Cùng năm đó, Bapak có một buổi nói chuyện trong đó người nói:

Bapak không thích dùng từ tội lỗi, nhưng tối thiểu như vậy cũng là sai lầm rất nhiều nếu đường lối tu tập này không truyền bá tới toàn thể nhân loại, nếu nó mắc kẹt với chỉ một vài người nơi này và nơi nọ.

Sự hướng dẫn của nội tâm

(trích trong The Dawning của Emmanuell Elliot)

Có rất nhiều cách khác nhau theo đó những người Subud nhận sự hướng dẫn của nội tâm và Thiên Khải cho cá nhân mình.

Tại Tokyo năm 1967, Bapak (trước đó đã báo cho chúng ta biết nhiều giấc mơ chỉ là sự hiện hình của những ý nghĩ và tưởng tượng của cá nhân và những kẻ mà tâm trí có đầy tư tưởng và cảm xúc thì rất khó nghiệm thấy những giấc mơ là sự tiếp nhận) nói rằng "đôi khi người ta có một giấc mơ mà thực chất là sự cho thấy những gì sẽ xảy ra. Sau đó hóa ra những gì họ đã tiếp nhận được trong giấc mơ là sự thật."

Suốt hơn 50 năm theo tập latihan, việc tôi tiếp nhận được những chỉ bảo vô giá trong hình thức của giấc mơ là chuyện thường tình: thấy trong giấc mơ thực trạng của mình; mơ thấy những biến cố tương lai ngay trước khi xảy ra hay đôi khi trước đó lâu. Thực vậy, cá nhân tôi đã được ân phước có nhiều chứng nghiệm về sự hướng dẫn của nội tâm biểu hiện qua giấc mơ, khiến tôi coi hiện tượng đó là điều gì tự nhiên.

Mãi sau này trong những chứng nghiệm của latihan, tôi bắt đầu nhận được sự hướng dẫn biểu hiện trong hình thức của những linh thị, trong khi đại khái trước đó thì là những chỉ dẫn trong hình thức của sự thấy sáng suốt hay hiểu biết được theo trực giác, hay sự tự nhiên nhận thức được trạng thái của một người khác. Một trường hợp điển hình, tuy không thoải mái, của điều đó xảy ra là khi mở cửa bước vào văn phòng một đồng nghiệp, tôi hầu như gặp người xuống vì chợt thấy một cơn đau đột ngột nơi bụng. "Ngộ thật", anh bạn tôi nói "mình vừa bị những cơn đau bụng hành hạ suốt sáng nay."

Sự nhạy cảm trên đà phát triển đó cũng lan tới sự bị ảnh

hưởng của việc nằm trên một chiếc giường không là của mình. Một trong những trường hợp sinh động nhất của điều đó xảy ra, khi tôi ở chung với bạn bè tại Portland, Oregon. Tôi được dành cho một giường ngủ trong một tầng hầm, và ngay khi đầu mình đặt trên gối, tôi nhận thấy mình đang gắng sức dẫn đầu một đám người chạy đua vận động mọi gân cốt để đạt tới đích. Sáng hôm sau, khi tôi nhắc tới cái chứng nghiệm kì quái đó cho chủ nhà, chị lấy làm ngạc nhiên. "Đó là phòng đứa con trai chúng tôi", chị cho hay, "trong 3 tháng cuối trước khi vào đại học, nó hết sức cam kết là phải đạt được kỉ lục cuộc chạy đua một dặm tại trường học trước khi ra đi. Không gì quan trọng hơn với nó."

Chức năng cây ăng-ten nội tâm đó không luôn luôn tưởng chừng như là không có nghĩa gì. Có lần tôi đang lái một chiếc xe chở đầy những đứa con còn nhỏ của mình, thì chợt nhận thức được ngay phía trước mình là một tình trạng mắc kẹt do một xe cứu thương bắt buộc phải đậu lại ngang ngay qua đoạn đường của chúng tôi. Tôi lái xe quá nhanh và không hoàn toàn tập trung. An toàn thắng lại thì quá muộn, và tôi không thấy lối thoát nào khác. Một tai nạn trầm trọng có vẻ như không thể tránh khỏi, đầu óc tôi thì trống rỗng. Ngay lúc đó latihan giành quyền điều khiển toàn thân tôi. Tôi sửng sốt ngồi nhìn, trong khi tay chân mình tung hứng tay lái, phanh xe và cần sang số. Tôi ngạc nhiên, trong sự phán đoán chính xác và sự vận động khéo léo một cách phi thường, thấy mình lèo lái chiếc xe phóng nhanh của mình qua một chỗ trống bất ngờ của xe cô đang lưu thông, chỉ vài phân giây cách chúng tôi với khoảng trống phía trái mình. Chỉ có điều là 'tôi' không làm bất cứ gì cho nó xảy ra! Nhiều năm sau tôi hỏi đứa con gái lớn nhất của mình là còn nhớ gì tới việc xảy ra bất ngờ đó không. "Làm sao có thể quên được?" Nó cười. "Con không thể tin được là chuyện đó đã xảy ra, khi tay bố không nắm lấy tay lái!"

Có nhiều trường hợp về sự tương tác với hội viên Subud giữa cái kì diệu và cái trần tục. Một chuyện mà tôi thích nhất là việc một nữ hành khách trên xe lửa chợt thấy mình phải kiếm một chỗ ngồi khác đằng sau, không vì một lí do rõ rệt nào. Một vài giây phút sau một cục đá

đụng qua cửa kính, chính nơi chị đã ngồi. Tuy mảnh vụn thủy tinh bắn tung toé, nhưng chị hoàn toàn không hề gì.

Tiếp nhận được nhờ tiếng nói của nội tâm càng lúc càng là điều khiến nhiều người được hướng dẫn, khi cần bản latihan họ trở nên thâm sâu hơn. Hiện tượng đó đã trở thành tự nhiên và toàn bộ của cuộc sống mình, khiến tôi thấy điều này là đích đáng mình thuật lại những hoàn cảnh nổi bật theo đó lần đầu tôi nghe thấy tiếng nói nội tâm của mình.

Điều đó xảy ra cuối thập niên 60, khi tôi hơn 30 tuổi một chút và làm công việc chăm nuôi súc vật, một cách kiếm thêm tiền ngoài công việc buôn bán của mình. Tôi trông nom khoảng 60 con bò sữa, và công việc lật vật của mình là đem đám bò qua một phòng 4x4 hình chữ chi. Một chuồng vắt sữa như vậy chứa đựng một số lượng bò bằng nhau, 4 lượng bằng nhau, mỗi bên kẻ chăm nuôi, một kẻ làm việc từ một cái giếng là trung tâm giữa đám bò. Cách sắp xếp đó làm cho tầm cao đầu kẻ chăm nuôi đạt tới phần trên cùng của chân bò, và như vậy khiến dễ dàng nắm lấy vú bò.

Nhiều đàn bò có một tỷ số những con phá phách, và tất nhiên các kẻ chăm nom đều biết mặt những con đó. Đối với chúng họ phải hết sức thận trọng vì rất có thể bị đá thương nơi giếng nước của phòng vắt sữa. Tuy nhiên, đàn bò đặc biệt này không có những vấn đề đó, và chắc chắn không bao giờ với 30 hay khoảng đó con đầu tiên. Mỗi ngày chúng thường hăng hái đi vào phòng vắt sữa, hầu như lúc nào cũng đúng thứ tự, thanh thản, hân hoan mong đợi được chăm nuôi đầy đủ.

Dignity là một con thuộc thành phần đó. Như thường lệ, nó là một con trong nhóm đầu tiên đi vào phòng vắt sữa, là con thứ nhì theo sau con Rosina, một con được đàn bò coi là thủ lĩnh.

Mọi chuyện có vẻ như bình thường, và tôi nuôi ăn 4 con bò đầu tiên trước khi rửa bầu vú của chúng, một việc làm không mấy thanh nhã vì phải rửa sạch những bùn lầy dơ bẩn bám vào chúng lúc ban đêm ngoài đồng. Đó là một nhiệm vụ mà người ta thường thực hiện một cách máy

móc, và bởi đã chăm nuôi xong cho con Rosina, nên tôi ngẫu nhiên đến phía con Dignity.

Bàn tay tôi đang cách vài phân bầu vú nó thì chợt có một giọng nói vang lớn qua phòng vắt sữa, hình như cả bên trong và bên ngoài tôi. "Coi chừng con này." Thật lạ lùng, tôi không nghĩ rằng mình phải thắc mắc về sự kiện có giọng nói đó. Tất cả những gì nhận biết được là cái tính chất mãnh liệt và mệnh lệnh của nó.

Tôi lạnh cứng người và nghiêm khắc nhìn con Dignity. Không thấy bất cứ gì sai trái, tôi bình tĩnh trở lại để đến phía con số ba, và dùng thân hình nó làm tấm khiên, tôi đưa tay ra rồi nhẹ nhàng đụng vào một trong những đầu vú con Dignity. Nó phản ứng với một cú đá dữ dội nhất không ngờ tới, chẻ bổ không khí khiến giết người được, ngay nơi đáng lí ra đầu tôi ở đó, nếu không có cái giọng nói cảnh báo đó.

Một sự xem xét tiếp theo cho thấy một vết thương kinh khiếp nơi bề mặt đầu vú mà tôi đã đụng vào, một chỗ bị thương hoàn toàn không nhìn thấy được từ vị trí tôi nơi giếng nước phòng vắt sữa, và từ nơi đó tôi thông thường đã mạnh mẽ vắt.

Thế nên, phản ứng của nó, dù tôi có đụng vào nhẹ nhàng đến đâu đi nữa, khiến tôi sẽ không tài nào có thể sống sót. Cú đá đó sẽ làm tôi bay đầu.

